

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THÀNH PHỐ H
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 519/2025/DS-ST

Ngày: 09/09/2025

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4, THÀNH PHỐ H

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Từ Thị Minh Tú.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Đào Ngọc Bích;

2/ Ông Đinh Hoàng Việt.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trà Thị Thúy Diễm - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân Khu vực 4, Thành phố H.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4, Thành phố H tham gia phiên tòa: Bà Lê Ngọc Thanh Trúc - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 09 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 4, Thành phố H, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 235/2025/TLST-DS ngày 10 tháng 04 năm 2025 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 205/2025/QĐXXST-DS ngày 29 tháng 07 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 129/2025/QĐST-DS ngày 18 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TP.

Địa chỉ trụ sở: Tòa nhà Ngân hàng TP, Số 57, phố Lý Thường Kiệt, phường Cửa Nam, Thành phố H (địa chỉ trước đây Tòa nhà Ngân hàng TP, Số 57, phố Lý Thường Kiệt, phường T, quận H, Thành phố H).

Địa chỉ liên hệ: Tòa nhà Ngân hàng TP, Số 32A đường Hậu Giang, phường Bình Tây, Thành phố H (địa chỉ trước đây: Tòa nhà Ngân hàng TP, Số 32A đường Hậu Giang, Phường 2, Quận 6, Thành phố H).

Người đại diện theo ủy quyền hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Hữu An, sinh năm 1998.

2. Bị đơn: Ông Trần Đỗ V, sinh năm 1991.

Địa chỉ thường trú: A4 cư xá Đồng Tiến, phường D, Thành phố H (địa chỉ trước đây A4 cư xá Đồng Tiến, Phường 14, Quận 10, Thành phố H).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1/ Theo đơn khởi kiện, biên bản hòa giải và bản tự khai của nguyên đơn trình bày:

Ông Trần Đỗ V vay vốn tại Ngân hàng TP – Chi nhánh Thành phố H, địa chỉ 456A Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 5, Quận 3, TPHCM theo các hợp đồng như sau:

Hợp đồng cho vay kiêm thế chấp xe ô tô số 138/2021/HDTD/TTKD OTO Q7/01 ngày 10/05/2021 Nội dung chính như sau:

- Số tiền vay: 770.000.000 đồng (Bảy trăm bảy mươi triệu đồng);
- Thời hạn vay: 60 tháng
- Mục đích vay vốn: Vay bù đắp vốn tự có mua xe ô tô MERCEDES biển số 51G-521.89 để đi lại.

- Lãi suất linh hoạt trong hạn như sau:

- + Lãi suất áp dụng kể từ ngày 10/05/2021 cho đến ngày 10/05/2022 là: 8,5%/năm;

- + Lãi suất áp dụng cho thời gian tiếp theo cho đến 10/05/2026: Lãi suất được điều chỉnh định kỳ 03 tháng một lần và bằng Lãi suất tiền gửi tiết kiệm VNĐ, kỳ hạn 12 tháng (*) dành cho khách hàng cá nhân của Ngân hàng TP tại thời điểm điều chỉnh cộng (+) biên độ 3,5%/năm.

- Lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn tại thời điểm chuyển quá hạn.

- Lãi suất chậm trả bằng 10%/năm tính trên số dư nợ lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

- Phí và chi phí:

- + Phí trả nợ trước hạn: tối thiểu 250.000 đồng/01 lần trả tiền gốc trước hạn.

- + Phí trả nợ trước hạn trong 03 năm đầu kể từ ngày giải ngân là 3%*số tiền trả nợ trước hạn.

- + Phí trả nợ trước hạn trong năm thứ 4 và thứ 5 là: 1%*số tiền trả nợ trước hạn.

- Phí khác: Theo biểu phí của Ngân hàng TP quy định trong từng thời kỳ.

Ngày 16/06/2021, Khách hàng Trần Đỗ V ký Đơn đề nghị phát hành thẻ tín dụng Ngân hàng TP kèm hợp đồng sử dụng thẻ với Ngân hàng Ngân hàng TP:

- Thẻ tín dụng Ngân hàng TP Visa: chuẩn;

- Số thẻ: 4665822470529665;

- Hạn mức tín dụng: 35.000.000 đồng;

- Dư nợ thẻ tín dụng với số tiền 42.783.342 đồng.

Ngày 22/06/2022, Khách hàng Trần Đỗ V ký Đơn đề nghị phát hành thẻ tín dụng Ngân hàng TP kèm hợp đồng sử dụng thẻ với Ngân hàng Ngân hàng TP:

- Thẻ tín dụng Ngân hàng TP Visa: JCB;

- Số thẻ: 3565862473348427;

- Hạn mức tín dụng: 40.000.000 đồng;

- Dư nợ thẻ tín dụng với số tiền 83.218.754 đồng.

Tài sản bảo đảm cho khoản vay nêu trên theo Hợp đồng cho vay kiêm thế chấp xe ô tô số 138/2021/HDTD/TTKD OTO Q7/01 ngày 10/05/2021: 01 xe ô tô Nhân hiệu: MERCEDES C300; Màu: ĐEN; Số khung: RLMWF4JX0GV003202; Số máy: 27492030835409; Biển kiểm soát: 51G-521.89 (Theo giấy chứng nhận đăng ký xe số 50032479 do Phòng Cảnh sát Giao thông Công an Thành phố H cấp ngày 20/04/2021)

Quá trình thực hiện Hợp đồng: ông Trần Đỗ V đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với Ngân hàng TP kể từ ngày 10/06/2024 và phải chịu mức lãi suất nợ quá hạn theo thỏa thuận trong các Hợp đồng. Tạm tính đến ngày 09/09/2025, Ông Trần Đỗ V đã trả nợ gốc là 461.999.998 đồng; còn nợ Ngân hàng TP số tiền là: Nợ gốc: 308.000.012 đồng; Nợ lãi: 32.119.745 đồng; Lãi quá hạn và lãi chậm trả: 24.286.244 đồng; Nợ thẻ tín dụng 4665822470529665: 42.783.342 đồng (trong đó nợ gốc là 16.304.362 đồng; nợ lãi là 26.478.980 đồng); Nợ thẻ tín dụng 3565862473348427: 83.218.754 đồng (trong đó nợ gốc là 30.155.857 đồng; nợ lãi là 53.062.897 đồng); Phí trả nợ trước hạn: 1.026.667 đồng; Tổng nợ: 491.434.764 đồng (Bốn trăm chín mươi một triệu, bốn trăm ba mươi bốn nghìn, bảy trăm sáu mươi bốn đồng).

Nay nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết:

-Buộc ông Trần Đỗ V phải thanh toán cho Ngân hàng TP toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi, lãi quá hạn, lãi suất chậm trả tạm tính đến ngày 09/09/2025 còn nợ Ngân hàng TP số tiền là: Nợ gốc: 308,000,012 đồng; Nợ lãi: 32,119,745 đồng; Lãi quá hạn và lãi chậm trả: 24,286,244 đồng; Nợ thẻ tín dụng 4665822470529665: 42,783,342 đồng (trong đó nợ gốc là 16,304,362 đồng; nợ lãi là 26,478,980 đồng); Nợ thẻ tín dụng 3565862473348427 là: 83,218,754 đồng (trong đó nợ gốc là 30,155,857 đồng; nợ lãi là 53,062,897 đồng); Phí trả nợ trước hạn: 1,026,667 đồng; Tổng nợ: 491,434,764 đồng (Bằng chữ: Bốn trăm chín mươi một triệu bốn trăm ba mươi bốn nghìn bảy trăm sáu mươi bốn đồng).

- Yêu cầu Tòa án tiếp tục tính lãi theo đúng thỏa thuận trong các Hợp đồng cho vay cho đến ngày ông Trần Đỗ V thực tế thanh toán hết nợ cho Ngân hàng TP

-Trường hợp ông Trần Đỗ V không trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ, ngân hàng Ngân hàng TP có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền kê biên, phát mãi tài sản đảm bảo để thu hồi nợ cho Ngân hàng TP là : Tài sản 01 xe ô tô Nhân hiệu: MERCEDES C300; Màu: ĐEN; Số khung: RLMWF4JX0GV003202; Số máy: 27492030835409; Biển kiểm soát: 51G-521.89 theo giấy chứng nhận đăng ký xe số 50032479 do Phòng Cảnh sát Giao thông Công an Thành phố H cấp ngày 20/04/2021 để thu hồi nợ.

Nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

2/ Bị đơn đã được Tòa án triệu tập, tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải; thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; Quyết định xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng bị đơn không nộp tài liệu, chứng cứ cũng như không có văn bản trình bày ý kiến liên

quan đến việc giải quyết vụ án, bị đơn vẫn vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án tiến hành tố tụng và phiên tòa hôm nay.

* Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 4 phát biểu quan điểm:

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử từ giai đoạn thụ lý vụ án đến phiên tòa hôm nay là đã tuân thủ đúng, đầy đủ quy định pháp luật. Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn đã thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ theo quy định pháp luật nhưng vẫn vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án. Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn vắng mặt đến lần thứ 2 mà không có lý do và nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ phù hợp với quy định của pháp luật đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Căn cứ vào Hợp đồng cho vay kiêm thế chấp xe ô tô số 138/2021/HDTD/TTKD OTO Q7/01 ngày 10/05/2021 có cơ sở xác định đây là vụ án dân sự về hợp đồng vay tài sản giữa tổ chức tín dụng với khách hàng theo quy định tại Điều 1 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao nên xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án này là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn có địa chỉ cư trú tại phường D (địa chỉ trước đây Phường 14, Quận 10) nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 4, Thành phố H theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn theo quy định khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Xét thấy, Tòa án triệu tập bị đơn hợp lệ lần thứ hai nhưng bị đơn vắng mặt mà không có người đại diện tham gia phiên tòa, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[2] Về yêu cầu của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Xét theo Hợp đồng cho vay kiêm thế chấp xe ô tô số 138/2021/HDTD/TTKD OTO Q7/01 ngày 10/05/2021; Đơn đề nghị phát hành thẻ tín dụng Ngân hàng TP kiêm hợp đồng sử dụng thẻ ngày 16/6/2021 và Đơn đề nghị phát hành thẻ tín dụng Ngân hàng TP kiêm hợp đồng sử dụng thẻ ngày 22/6/2022 ký giữa ông V với Ngân hàng TP được giao kết hợp pháp vì có hình thức và nội dung phù hợp với quy định của pháp luật.

-Căn cứ các Hợp đồng tín dụng, thế chấp nêu trên hai bên ký kết quy định về trách nhiệm thanh toán tất cả các khoản tiền đã vay và các khoản phí, lãi và các chi phí phát sinh nếu không thanh toán đúng hạn cho Ngân hàng.

-Xét Hợp đồng cho vay kiêm thế chấp xe ô tô số 138/2021/HDTD/TTKD OTO Q7/01 ngày 10/05/2021; Đơn đề nghị phát hành thẻ tín dụng Ngân hàng TP kiêm hợp đồng sử dụng thẻ ngày 16/6/2021; ngày 22/6/2022 và bản kê tính số tiền nợ gốc, lãi đến ngày 09/9/2025 do Ngân hàng cung cấp; từ ngày 10/06/2024 đến nay ông V không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng do đó có cơ sở xác định ông V đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ và còn nợ của Ngân hàng số tiền là 491.434.764 đồng (*Bốn trăm chín mươi một triệu, bốn trăm ba mươi bốn nghìn, bảy trăm sáu mươi bốn đồng*) tính đến ngày 09/9/2025 như lời nguyên đơn trình bày là có cơ sở.

-Xét thấy, ông V không thanh toán số tiền gốc, lãi đã vay là vi phạm thỏa thuận tại hợp đồng mà các bên đã ký kết và các bên không có thỏa thuận khác, nên Hội đồng xét xử căn cứ quy định về phương thức trả nợ, trả lãi tại Điều 1 của Hợp đồng cho vay kiêm thế chấp xe ô tô số 138/2021/HDTD/TTKD OTO Q7/01 ngày 10/05/2021, Đơn đề nghị phát hành thẻ tín dụng Ngân hàng TP kiêm hợp đồng sử dụng thẻ ngày 16/6/2021; ngày 22/6/2022 và theo các điều 3, 5, 6 của Điều kiện và Điều khoản phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế NGÂN HÀNG TP; Căn cứ khoản 2 Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng; có cơ sở chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn tổng số tiền tính đến ngày 09/9/2025 là 491.434.764 đồng (*Bốn trăm chín mươi một triệu, bốn trăm ba mươi bốn nghìn, bảy trăm sáu mươi bốn đồng*) ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[2.2] Ông V đã dùng tài sản là 01 xe ô tô, nhãn hiệu MERCEDES C300; Màu: ĐEN; Số khung: RLMWF4JX0GV003202; Số máy: 27492030835409; Biển kiểm soát: 51G-521.89 thuộc quyền sở hữu của ông Trần Đỗ V theo giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 50032479 do Phòng Cảnh sát Giao thông Công an Thành phố H cấp ngày 20/04/2021. Nay ông V không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ với ngân hàng nên ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi tài sản bảo đảm để thu hồi nợ là phù hợp với Điều 2 của Căn cứ Hợp đồng cho vay kiêm thế chấp xe ô tô số

138/2021/HDTD/TTKD OTO Q7/01 ngày 10/05/2021 nên có cơ sở chấp nhận, Từ những chứng cứ nêu trên, căn cứ Điều 463 và Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

[3] Án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định tại theo quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 2 Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

- Căn cứ Điều 463 và Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2025;

- Căn cứ Điều 1, Điều 5 và Điều 6 của Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của các Tòa án nhân dân;

- Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016;

- Căn cứ Điều 1 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao;

- Căn cứ Thông tư liên tịch số 01/TTLT ngày 19/6/1997 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tài chính, Bộ Tư pháp hướng dẫn về việc xét xử và thi hành án về tài sản;

- Căn cứ Luật thi hành án dân sự năm 2008; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi hành án dân sự số 64/2014/QH13 ngày 25/11/2014.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Tiên Phong:

- Buộc ông Trần Đỗ V phải trả cho Ngân hàng TP tổng số tiền tính đến ngày 09/9/2025 là 491.434.764 đồng (Bốn trăm chín mươi một triệu, bốn trăm ba mươi bốn nghìn, bảy trăm sáu mươi bốn đồng) trong đó:

Nợ gốc: 308.000.012 đồng;

Nợ lãi: 32.119.745 đồng;

Lãi quá hạn và lãi chậm trả: 24.286.244 đồng;

Nợ thẻ tín dụng số 4665822470529665 là: 42.783.342 đồng (trong đó nợ gốc là 16.304.362 đồng; nợ lãi là 26.478.980 đồng);

Nợ thẻ tín dụng số 3565862473348427 là: 83.218.754 đồng (trong đó nợ gốc là 30.155.857 đồng; nợ lãi là 53.062.897 đồng);

Phí trả nợ trước hạn: 1.026.667 đồng.

Trả một lần ngay sau khi Bản án có hiệu lực pháp luật.

-Buộc ông Trần Đỗ V phải trả tiền lãi tính từ ngày 10/9/2025 cho đến khi ông Trần Đỗ V trả hết nợ theo mức lãi suất quy định tại Hợp đồng cho vay kiêm thế chấp xe ô tô số 138/2021/HDTD/TTKD OTO Q7/01 ngày 10/05/2021; Đơn đề nghị phát hành thẻ tín dụng Ngân hàng TP kiêm hợp đồng sử dụng thẻ ngày 16/6/2021 và Đơn đề nghị phát hành thẻ tín dụng Ngân hàng TP kiêm hợp đồng sử dụng thẻ ngày 22/6/2022 ký kết giữa ông Trần Đỗ V với Ngân hàng Ngân hàng TMCP Tiên Phong.

-Sau khi ông Trần Đỗ V thanh toán hết số tiền nợ, Ngân hàng TMCP Tiên Phong có trách nhiệm làm thủ tục giải chấp tài sản bảo đảm đã thế chấp là 01 xe ô tô Nhãn hiệu: MERCEDES C300; Màu:đen; Số khung: RLMWF4JX0GV003202; Số máy: 27492030835409; Biển kiểm soát:51G-521.89 theo giấy chứng nhận đăng ký xe số 50032479 do Phòng Cảnh sát Giao thông Công an Thành phố H cấp ngày 20/04/2021 cho ông Trần Đỗ V theo quy định pháp luật.

-Trường hợp ông V không thanh toán số tiền nợ vay thì Ngân hàng TP có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mại tài sản bảo đảm đã thế chấp là 01 xe ô tô Nhãn hiệu: MERCEDES C300; Màu: ĐEN; Số khung: RLMWF4JX0GV003202; Số máy: 27492030835409; Biển kiểm soát: 51G-521.89 thuộc quyền sở hữu của ông Trần Đỗ V Theo giấy chứng nhận đăng ký xe số 50032479 do Phòng Cảnh sát Giao thông Công an Thành phố H cấp ngày 20/04/2021 để thu hồi nợ cho Ngân hàng TP.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Trần Đỗ V phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 23.657.391 đồng (Hai mươi ba triệu, sáu trăm năm mươi bảy nghìn, ba trăm chín mươi một đồng).

Hoàn trả cho Ngân hàng TP số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 10.923.392 đồng (Mười triệu, chín trăm hai mươi ba nghìn, ba trăm chín mươi hai đồng) theo biên lai thu tiền số 0075590 ngày 10/4/2025 của Chi cục thi hành án dân sự Quận 10 (nay là Phòng thi hành án Dân sự Khu vực 4, Thành phố H).

3. Về thời hạn kháng cáo: Ngân hàng TP và ông Trần Đỗ V có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND KV4;
- Phòng THADS KV4;
- Đường sự;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**



Từ Thị Minh Tú